

Bản án số: **33/2022/HS-ST**

Ngày 27/4/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Hưng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Phương

Bà Trần Thị Lệ Dung

**- Thư ký phiên tòa:** bà Phan Thị Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2022/TLST-HS ngày 17/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 32/2022/QĐXXST-HS, ngày 14/4/2022 đối với:

**- Bị cáo:** họ và tên **Trần Văn H**, sinh năm 1996 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (đã chết), con bà Trần Thị L; vợ, con: chưa có.

Tiền án: không.

Tiền sự: tại Quyết định xử phạt hành chính số 26 ngày 20/10/2021 của Công an xã K, huyện K xử phạt H số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chưa thi hành

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/12/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay “có mặt”.

**- Bị hại:** anh Lê Văn T, sinh năm 1978; nơi cư trú: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Trần Văn H1, sinh năm 1990; nơi cư trú: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

Anh Hoàng Minh K, sinh năm 1984; nơi cư trú: xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

Bà Trần Thị L, sinh năm 1955; nơi cư trú: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình “có mặt”.

- **Người làm chứng:** chị Đoàn Thị L1 “vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn H là người đang có 01 tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Sáng ngày 12/11/2021, H điều khiển xe mô tô BKS 35B1-736.63 chở Trần Văn H1 đi chơi. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực xóm 4, xã K, huyện K, H quan sát thấy xưởng cơ khí của anh Lê Văn T không có ai trông coi, H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài nên đã rủ H1 cùng tham gia, H1 đồng ý. Sau đó H1 xuống xe đi vào trong xưởng tìm kiếm tài sản, còn H ngồi trên xe cảnh giới, khi vào trong xưởng H thấy 01 máy hàn điện tử nhãn hiệu Hồng Ký HK200A, nên tiến đến cầm chiếc máy hàn đi ra chỗ H, thấy vậy H nổ máy điều khiển xe chở H1 ngồi sau ôm chiếc máy hàn đã trộm cắp được đến cửa hàng điện máy “N” ở xóm T, xã V, huyện K do anh Hoàng Minh K làm chủ bán với giá 350.000 đồng. Số tiền này H và H1 tiêu sài cá nhân hết. Sau khi bị mất tài sản, ngày 23/11/2021 anh Thông trình báo lên Công an xã K.

Quá trình điều tra H giao nộp 01 xe mô tô BKS 35B1-736.63; anh K tự nguyện giao nộp 01 máy hàn nói trên.

Bản Kết luận định giá tài sản số 55/HĐĐG ngày 14/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện K kết luận: 01 máy hàn điện tử nhãn hiệu Hồng Ký HK200A có trị giá là 773.000 đồng.

Cáo trạng số 29/CT-VKS-KS ngày 16/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 31/12/2021. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: truy thu bị cáo H số tiền 175.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Về án phí: buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi nêu trên và không có ý kiến gì khác, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, tội danh và điều luật áp dụng: tại phiên tòa bị cáo H khai nhận do nghiện ma túy, muốn có tiền để tiêu sài cá nhân nên sáng ngày 12/11/2021, bị cáo đã rủ anh Trần Văn H đi trộm cắp tài sản. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày cả hai điều khiển xe mô tô BKS 35B1-736.63 đến khu vực xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình thấy xưởng cơ khí của nhà anh Lê Văn T không có ai trông coi, bị cáo H ngồi trên xe cảnh giới, còn H1 trực tiếp vào trộm cắp được 01 máy hàn điện tử nhãn hiệu Hồng Ký HK200A, rồi cả hai cùng mang đi tiêu thụ và bán cho anh Hoàng Minh K chủ cửa hàng điện máy “N” địa chỉ xóm T, xã V, huyện K được 350.000 đồng, số tiền này cả hai đã tiêu sài cá nhân hết. Sau đó bị cáo và H bị công an triệu tập lên làm việc, bị cáo đã khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp nói trên. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Đơn trình báo; Biên bản nhận dạng vật chứng; Sơ đồ vụ việc; Biên bản tạm giữ đồ vật; lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng đã có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Trần Văn H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi đó gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Mặc dù giá trị tài sản trộm cắp chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo đang có tiền sự cũng về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa vi phạm mà còn vi phạm, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

#### ***Điều 173. Tội trộm cắp tài sản***

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*a, Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm...*

Từ sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định tội được quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như đã được viện dẫn. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: bị cáo có nhân thân xấu

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi đối chiếu về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nguyên nhân và điều kiện phạm tội, thì hành vi phạm tội của bị cáo nhằm mục đích có tiền để tiêu sài cá nhân, do đó cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật bằng hình phạt tù có thời hạn, để bị cáo có thời gian cải tạo, sửa chữa trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai yêu cầu bị cáo và anh H1 phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 máy hàn nhãn hiệu Hồng Ký HK200A là tài sản thuộc sở hữu của anh Lê Văn T, anh T có đơn xin lại tài sản, nên Cơ quan công an đã trả lại tài sản trên cho anh T là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO màu xanh - trắng, BKS 35B1-736.63 đăng ký xe mang tên Phạm Quang T1, bà Trần Thị L là mẹ đẻ bị cáo mua lại chiếc xe trên, không có giấy tờ mua bán, việc bị cáo sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản bà L không biết. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại xe cho bà L là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 350.000 đồng mà anh Hoàng Minh K đã mua chiếc máy hàn của bị cáo và anh Trần Văn H1. Trong quá trình giải quyết vụ án anh K không yêu cầu bị cáo và anh H1 trả lại số tiền nói trên. Đây là tiền do phạm tội mà có, bị cáo H và anh H1 đã tiêu sài cá nhân hết. Công an huyện K đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với anh H1 và buộc anh H1 phải nộp lại 1/2 số tiền bất hợp pháp có được là 175.000 đồng. Còn đối với bị cáo H đã tiêu sài cá nhân hết, nên cần truy thu bị cáo số tiền 175.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về các vấn đề khác:

Đối với anh Trần Văn H1 là người đã cùng bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhưng giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng; H1 chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản, nên không đồng phạm với bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản”, Công an huyện K đã ra quyết định xử phạt hành chính là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Hoàng Minh K là người đã mua chiếc máy hàn nói trên của bị cáo H và anh H1. Bản thân anh K không biết tài sản do trộm cắp mà có, nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh K.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên bố:** bị cáo **Trần Văn H** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn H 06 (sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 31/12/2021.

**2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:**

Truy thu bị cáo Trần Văn H số tiền 175.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

**3. Về án phí:** buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân*

*sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Kim Sơn;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an huyện K;
- THADS huyện K;
- Bị cáo; bị hại; người LQ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hoàng Ngọc Hưng**